TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06 / 02 /2026
V/v: "Kiện xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

2. Ông Dương Đức Bản

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025 về kiện xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Diệu T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Thôn Chày L, xã Phong N, tỉnh Quảng Trị. Chị T vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ dân phố Cù L 1, xã Phong N, tỉnh Quảng Trị. Anh L vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 16/10/2025, được bổ sung tại bản tự khai, biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Đoàn Thị Diệu T trình bày:

Về hôn nhân: Chị T và anh L sau một quá trình tìm hiểu, được sự chấp thuận của gia đình hai bên đã đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2018 tại UBND xã Sơn T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình cũ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian đầu. Vì chưa có nhà riêng nên vợ chồng chung sống cùng ba mẹ chồng. Sau khi chị T sinh cháu Nguyễn Đông Q, sinh ngày

29/8/2018 được khoảng 03 tháng thì anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan để làm ăn. Tuy nhiên, vì tính tình anh L thay đổi thất thường, không quan tâm, chăm sóc vợ con đồng thời ở Đài Loan anh L có quan hệ bất chính với người khác ở nước ngoài, không gọi điện, hỏi thăm, không gửi tiền về cho vợ con. Từ đó vợ chồng phát sinh thêm nhiều mâu thuẫn, tính tình không hợp nhau, luôn bất đồng về quan điểm sống, mỗi người có một quan điểm và suy nghĩ riêng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, không tôn trọng nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình.

Chị T đã nhiều lần tạo cơ hội cho anh L để thay đổi và hoà hợp nhưng không thành, đặc biệt hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, hoà giải nhưng không thành. Từ đầu năm 2024, hai vợ chồng bắt đầu sống ly thân, chị T và cháu Q chuyển lên nhà ngoại sinh sống, anh L còn chạy lên nhà ngoại đe doạ gây gổ nên chị T đi làm ăn xa từ ngày 30/4/2024 để kiếm tiền nuôi cháu Q. Sau khi phát hiện chị T đi làm ăn xa, anh L đã tới nhà ngoại cưỡng ép đem cháu Q về nuôi, hiên tại cháu Q đang ở với ông bà nội (bố mẹ đẻ của anh L).

Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung hai bên không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Toà án giải quyết cho chị T ly hôn anh L để ổn định cuộc sống.

Phần trình bày của bị đơn anh Nguyễn Ngọc L: Về hôn nhân: Anh L và chị T đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã Sơn T, huyện Bố T, tỉnh Quảng Bình cũ vào ngày 01/02/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đến đầu năm 2023 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không hoà hợp với nhau về tình cảm, quan điểm sống và về mặt kinh tế, hai vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình. Hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không đạt được, hai bên không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân nữa nên anh L cũng nhất trí ly hôn chị T.

*Về con chung: Chị T và anh L đều trình bày vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đông Q, sinh ngày 29/8/2018, hiện con chung đang ở với ông bà nội, cháu Q hiện đang học tại lớp 2A, trường Tiểu học số 1 Phong N, xã Phong N, tỉnh Quảng Trị. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi cháu Quân đủ 18 tuổi và chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung. Nguyện vọng của cháu Q xin được ở với mẹ T.

Anh L cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đông Q và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh L đều trình bày vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị đã tiến hành triệu tập các bên đương sự đến làm bản tự khai, tiến hành phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Nhưng việc hòa giải không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, HTND đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Căn cứ vào quá trình giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Diệu T và anh Nguyễn Ngọc L.

Về con chung: Đề nghị xử giao cháu Nguyễn Đông Q cho chị Đoàn Thị Diệu T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì chị T và anh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp khu vực theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh L có địa chỉ cư trú tại xã Phong N, tỉnh Quảng Trị nên Toà án nhân dân khu vực 1, tỉnh Quảng Trị thụ lý là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 1 đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự, kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên hòa giải, tiếp cận chứng cứ, nhưng việc hòa giải không đem đến sự thỏa thuận, nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 14/01/2026 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 140/2025/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1. Chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất. Do đó, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2026/QĐST-HNGĐ ngày 14/01/2026 và ấn định thời gian xét xử vào ngày 06/02/2026 theo đúng quy định tại Điều 227, 233 Bộ luật tố tụng dân sự; nhưng bị đơn anh L vẫn

vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ; HĐXX căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử vắng mặt hai bên đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Ngọc L và chị Đoàn Thị Diệu T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn tôn trọng nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị đã không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thiếu tôn trọng nhau, mâu thuẫn kéo dài và ngày càng căng thẳng, vợ chồng không có trách nhiệm gì với nhau. Chị T xin ly hôn, anh L cũng xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không hòa giải được nên cũng đồng ý ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hoà giải ngày 02/12/2025, cả chị T và anh L đều cùng yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn, xác định cả hai không còn tình cảm, cuộc sống hôn nhân không đạt được, hai bên không thể kéo dài cuộc sống hôn nhân nữa. Điều đó thể hiện rằng tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử thấy cần công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Diệu T và Anh Nguyễn Ngọc L là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị T và anh L đều trình bày vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Đông Q, sinh ngày 29/8/2018.

Anh L và chị T đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đông Q và không yêu cầu ai cấp dưỡng nuôi con chung. Xét nguyện vọng của anh chị đều là chính đáng.

Xét thấy, cháu Q hiện đang sống cùng anh L và ông bà nội. Quá trình thu thập chứng cứ xác định kết quả học tập của cháu Q hiện không tốt, kết quả học tập giữa lớp 1 và lớp 2 của cháu Q có sự giảm sút, các môn Tiếng Việt, Toán, Tiếng Anh điểm kiểm tra định kỳ giữa kỳ I ở mức C (chưa đạt), Tiếng Việt 2, Toán 3, Tiếng Anh 3. Bản thân chị T có công việc ổn định, mức thu nhập 9.000.000 đồng/tháng, có đầy đủ khả năng để nuôi dạy cháu Q. Mặt khác, nguyện vọng cháu Q cũng mong muốn được sống cùng mẹ. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình có cơ sở để chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đông Q của chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì chị T và anh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm 75.000 đồng mà chị T phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001246/BLTU/25E ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, chị T được nhận lại 225.000 đồng.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự,

Áp dụng Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

Áp dụng khoản 7 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Thị Diệu T và anh Nguyễn Ngọc L.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cháu Nguyễn Đông Q, sinh ngày 29/8/2018 cho chị Đoàn Thị Diệu T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T và anh L mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền án phí dân sự sơ thẩm 75.000 đồng mà chị T phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001246/BLTU/25E ngày

23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, chị T được nhận lại 225.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND Khu vực 1;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã Phong Nha, tỉnh Quảng Trị;
- Lưu án, Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thanh Hoa